

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-PT

Ngày: 13-5-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường.

Bà Trần Thị Thiên Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thuận - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 147/2019/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2020/QĐ-PT ngày 27/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thái H, sinh năm: 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Kp2, thị trấn T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận

- Bị đơn: Bà Đào Thị N, sinh năm: 1968 (có mặt)

Địa chỉ: T1, xã T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Bà Lê Thị Hồng A, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Kp2, thị trấn T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Kp3, thị trấn T, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bà Đào Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Thái H trình bày: Ngày 05/4/2019, bà Đào Thị N có mượn của bà H số tiền 2.800.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hẹn đến ngày 05/5/2019 sẽ trả hết gốc và lãi. Từ khi

mượn đến nay, bà H đã đòi nhiều lần nhưng bà N không chịu trả. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đào Thị N phải trả số tiền gốc 2.800.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

- Bị đơn bà Đào Thị N và người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn P, bà Lê Thị Hồng A trình bày: Bà N thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 05/4/2019 là của bà N. Tuy nhiên, trong số tiền 2.800.000.000 đồng, chỉ có 1.000.000.000 đồng là tiền do bà N vay cho bà A (con gái bà N), còn 1.800.000.000 đồng là tiền bà N nhận nợ giùm cho ông P để trả nợ cho bà H. Từ lúc vay đến nay, bà N chưa trả tiền gốc và lãi cho bà H. Theo yêu cầu của nguyên đơn, bà N không đồng ý trả, vì người trả tiền cho bà H phải là bà A và ông P.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 29/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đưa vụ án ra xét xử, tại bản án dân sự sơ thẩm số 47/2019/DS-ST, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;
- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thái H. Buộc bà Đào Thị N phải trả cho bà Dương Thị Thái H số tiền 3.252.392.024 (ba tỷ, hai trăm năm mươi hai triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn, không trăm hai mươi bốn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm trả, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 10 và 16/11/2019, bà Đào Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án số 47/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là bà Đào Thị N và Đại diện theo ủy quyền của bà N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà N, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm, đồng thời đồng ý với việc tính lãi suất trong hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xác lập giấy mượn tiền, tính lãi suất quá hạn từ ngày tiếp theo của ngày kết thúc thời hạn vay được ghi trong giấy mượn tiền lập ngày 5/4/2019.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định; người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi trong hạn từ ngày 5/4/2019 đến 5/5/2019 là chưa phù hợp, vì thời hạn tính lãi được tính từ ngày tiếp theo của ngày xác lập hợp đồng, cụ thể là phải tính lãi từ ngày 6/4/2019 đến ngày 5/5/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như yêu cầu của nguyên đơn; tương tự, cần tính lãi quá hạn và lãi trên lãi trong hạn kể từ ngày 6/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp; cấp sơ thẩm chưa tuyên buộc bà H giao trả lại cho bà N 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà N đã giao cho bà H để vay số tiền 2.800.000.000đồng là chưa giải quyết toàn diện vụ án.

Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đào Thị N trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về pháp luật áp dụng: Bà Dương Thị Thái H tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đào Thị N, thời điểm xác lập hợp đồng vào ngày 05/4/2019, do vậy cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà H khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền nợ vay gốc là 2.800.000.000đồng và lãi suất; trong vụ án này các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cho nên căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hợp đồng vay tài sản:

Ngày 05/4/2019, giữa bà H và bà N lập giấy mượn tiền với nội dung: Bà N mượn bà H số tiền 2.800.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 05/5/2019. Như vậy, giấy mượn tiền này được xác định là hợp đồng vay tài sản có lãi và có thời hạn được quy định tại Điều 463 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N thừa nhận chữ ký và chữ viết tên “Đào Thị N” trong giấy mượn tiền lập ngày 05/4/2019 là của bà, điều này khẳng định tại thời điểm ký kết giao dịch dân sự này thì bà H, bà N đầy đủ nhận thức, hoàn toàn tự nguyện. Do đó, giao dịch dân sự giữa bà H và bà N được thể hiện qua giấy mượn tiền lập ngày 5/4/2019 là tuân thủ quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015, cho nên giao dịch dân sự này có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình kháng cáo, bà N cho rằng bà chỉ nhận của bà H số tiền 1.000.000.000đồng, còn số tiền 1.800.000.000đồng là do bà H và ông P ép bà ký nhận nợ và đây là số tiền ghi khống trong giấy mượn tiền; bà N không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh rằng ông P và bà H đã có hành vi ép buộc bà ký nhận nợ với số tiền 1.800.000.000đồng và phía nguyên đơn cũng không thừa nhận, mặc dù tại phiên tòa bà N cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 giấy mượn tiền lập ngày 01/4/2019 giữa bà H và bà N, 01 văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa ông P và bà Thùy; tuy nhiên 02 tài liệu này không liên quan đến giao dịch lập ngày 5/4/2019 giữa bà N và bà H; do đó, nội dung đơn kháng cáo của bà N là không có căn cứ.

Mặt khác, trong giấy vay tiền chỉ có duy nhất tên bà N, do đó bà N phải có nghĩa vụ trả tiền cho bà H (nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự). Nếu bà N cho rằng bà mượn giùm cho bà A và ông P, thì đây là quan hệ pháp luật dân khác khác giữa bà N và bà A, ông P. Bà N có thể khởi kiện bà A, ông P bằng một vụ án dân sự khác.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bà H chỉ yêu cầu bà N phải trả lãi 20%/năm đối với số tiền gốc đã mượn từ ngày 06/4/2019 đến ngày 05/5/2019; tiền lãi của số tiền lãi chậm trả 10%/năm và lãi quá hạn trên số tiền gốc 30%/năm từ ngày 06/5/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/10/2019) là phù hợp với các quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lãi suất được tính như sau:

- Lãi trong hạn: $2.800.000.000\text{đồng} \times 20\%/năm \times 1\text{ tháng } (6/4/2019 \text{ đến } 5/5/2019) = 46.480.000\text{đồng};$

- Tiền lãi của số tiền lãi chậm trả: $46.480.000\text{đồng} \times 10\%/năm \times 05\text{ tháng } 23\text{ ngày} = 2.142.728\text{đồng};$

- Tiền lãi đối với số tiền vay quá hạn: $2.800.000.000\text{ đồng} \times 30\%/năm \times 05\text{ tháng } 23\text{ ngày} = 401.520.000\text{đồng}.$

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà N phải trả cho bà H tổng số gốc và lãi chưa chính xác, cần sửa lại bản án sơ thẩm về phần lãi suất như đã tính toán như trên; cần buộc bà N trả cho bà H số tiền nợ gốc và lãi là: 3.250.142.728 đồng là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đồng thời, sau khi bà N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì cần buộc bà H trả lại cho bà N 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H đang quản lý, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 831919 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 30/10/1998 cho ông Lê Trí T đứng tên sử dụng (Đề thừa kế cho bà Đào Thị N theo nội dung chỉnh lý biến động do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân ký ngày 29/12/2016); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 308955 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 6/2/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 177025 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 9/10/2007 cho ông Lê Trí T

và bà Đào Thị N (Để thừa kế cho bà Đào Thị N theo nội dung chỉnh lý biến động do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân ký ngày 29/12/2016)

[5] Về án phí: Do bản án phúc thẩm sửa phần lãi suất được tuyên trong bản án sơ thẩm, do đó cần điều chỉnh lại nghĩa vụ chịu án phí theo đúng quy định.

[6] Các phần khác như quyền kháng cáo, về thi hành án dân sự của các đương sự được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết nhưng không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Do kháng cáo của bà N được chấp nhận một phần nên bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Đào Thị N;

Sửa bản án sơ thẩm số 47/2019/DS-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thái H.

1.1. Buộc bà Đào Thị N phải trả cho bà Dương Thị Thái H số tiền 3.250.142.728 (ba tỷ, hai trăm năm mươi triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm hai mươi tám) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.2. Buộc bà Dương Thị Thái H phải trả lại cho bà Đào Thị N 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 831919 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 30/10/1998, cấp cho ông Lê Trí T đứng tên sử dụng (Để thừa kế cho bà Đào Thị N theo nội dung chỉnh lý biến động do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân ký ngày 29/12/2016); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 308955 do Ủy ban nhân dân

huyện Hàm Tân cấp ngày 6/2/2013 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 177025 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 9/10/2007, cấp cho ông Lê Trí T và bà Đào Thị N (Đề thừa kế cho bà Đào Thị N theo nội dung chính lý biến động do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Hàm Tân ký ngày 29/12/2016) sau khi bà N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2/ Về án phí:

- Trả cho bà Dương Thị Thái H số tiền 47.080.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân theo biên lai thu tiền số theo Biên lai thu số 0029002 ngày 20/9/2019.

- Bà Đào Thị N phải chịu 97.002.854 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Đào Thị N số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân theo biên lai thu tiền số 0029082 ngày 10/12/2019.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/5/2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa dân sự, HSVA./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Thanh